

Số: 88 /TT-UBND

Quảng Thái, ngày 14 tháng 06 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách xã năm 2020;

Kính gửi: Hội đồng Nhân dân xã Quảng Thái.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước, Thông tư hướng dẫn số 59/2003/TT-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính thi hành Luật Ngân sách Nhà nước ;

Căn cứ Quyết định số 2949 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của UBND huyện Quảng điền về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 07 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của HĐND xã Quảng Thái về việc phân bổ dự toán Ngân sách xã năm 2020 ;

Căn cứ Nghị quyết số 10 /NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2019 của HĐND xã Quảng Thái về việc phân bổ kế hoạch vốn chi đầu tư XD CB năm 2020 (Vốn thu cấp quyền sử dụng đất của xã);

UBND xã đề nghị HĐND xã thông qua Nghị quyết về điều chỉnh dự toán thu chi Ngân sách năm 2020 với nội dung cụ thể như sau:

***Nội dung trước khi điều chỉnh:**

1. Nghị Quyết số 07/NQ-HĐND ngày 26/12/2019 về dự toán thu chi Ngân sách năm 2020:

1/. Dự toán thu ngân sách năm 2020:

Tổng thu:

5.929.000.000 đồng

Trong đó:

- Thu các khoản theo tỷ lệ phân chia :

1.980.000.000 đồng

- Thu bổ sung ngân sách cấp trên:

3.907.000.000.000 đồng

- Thu các khoản để lại Quản lý qua NS:

40.000.000 đồng

2/. Dự toán chi năm 2020:

Tổng chi:

5.929.000.000 đồng

+ Chi XD CB (Chi tiết phụ lục 5):

1.480.000.000 đồng

+ Chi thường xuyên:

4.281.000.000 đồng

Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế:

62.000.000 đồng

- Chi sự nghiệp văn xã:

176.000.000 đồng

- Chi quản lý hành chính:

3.988.000.000 đồng

- Chi ANQP:

55.000.000 đồng

- Chi Khác

21.000.000 đồng

+ Dự bị phí:

128.000.000 đồng

+ Chi các khoản để lại quản lý qua NS:

40.000.000 đồng

II. Nghị Quyết số 10/NQ-HDND ngày 26/12/2019 về phân bổ vốn chi đầu tư XD CB năm 2020 (Vốn thu cấp quyền sử dụng đất của xã):

- Phân bổ kế hoạch vốn chi đầu tư XD CB năm 2020 là : 5.636.846.000đ
- Trong đó:** + Từ nguồn KP tiền sử dụng theo dự toán huyện giao là : 1.480.000.000đ
- + Từ nguồn tăng thu tiền đất của xã là : 4.156.846.000đ

III. Đề nghị điều chỉnh nội dung của Nghị quyết số 10/NQ-HDND ngày 26/12/2019 về phân bổ vốn chi đầu tư XD CB năm 2020 (Vốn thu cấp quyền sử dụng đất của xã) vào dự toán Thu chi Ngân sách năm 2020 cụ thể như sau:

I/. Dự toán thu ngân sách năm 2020 (Phụ lục I)

Tổng thu: 10.085.846.000 đồng

Trong đó:

- Thu các khoản theo tỷ lệ phân chia tỷ lệ 6.138.846.000 đồng
- Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 3.907.000.000 đồng
- Thu các khoản để lại Quản lý qua NS: 40.000.000 đồng

2/. Dự toán chi năm 2020: (Phụ lục 2)

Tổng chi:

- + Chi XD CB 10.085.846.000 đồng
- ++ Chi XD CB 5.636.846.000 đồng
- ++ Chi XD CB từ nguồn tiền đất huyện giao: 1.480.000.000 đồng
- + Chi thường xuyên: 4.281.000.000 đồng

Trong đó:

- Chi sự nghiệp kinh tế: 62.000.000 đồng
- Chi sự nghiệp văn xã: 176.000.000 đồng
- Chi quản lý hành chính: 3.988.000.000 đồng
- Chi ANQP: 55.000.000 đồng
- Chi Khác: 21.000.000 đồng
- + Dự bị phí: 128.000.000 đồng
- + Chi các khoản để lại quản lý qua NS: 40.000.000 đồng

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vấn đề phát sinh, Ủy ban dân nhân xã sẽ báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã để xem xét, điều chỉnh theo quy định và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

UBND xã kính đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường vụ Đảng ủy xã;
- CT-PCT.UBND xã;
- Bộ phận Địa chính-XD xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Bảo



STT	A	B	1	2	Thu NSNM	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Chênh lệch		Ghi chú
									Dự toán được HĐND xã sau khi điều chỉnh năm 2020	Dự toán được HĐND xã năm 2020	
	A	B	1	2			1	2			
			6,049,000,000	5,929,000,000			11,039,000,000	10,085,846,000	-4,156,846,000		
	A		Thu cân đối ngân sách (I+...III)	6,009,000,000			10,999,000,000	10,045,846,000	-4,156,846,000		
	I		Các khoản thu theo tỷ lệ phân chia	2,192,000,000			7,092,000,000	6,138,846,000	-4,156,846,000		
	1		Thuế thu nhập doanh nghiệp+ GTGT	193,000,000			193,000,000	193,000,000	0		
	2		Thuế TNCN	94,000,000			94,000,000	94,000,000	0		
	3		Tiền sử dụng đất	1,600,000,000			6,590,000,000	5,636,846,000	-4,156,846,000		
	4		Thuế sử dụng đất PNN						0		
	5		Phí trước bạ đất	8,000,000			8,000,000	8,000,000	0		
	6		Thu Hoa lợi công sản	75,000,000			75,000,000	75,000,000	0		
	7		Thu Phí, Lệ phí	42,000,000			42,000,000	42,000,000	0		
	-		Món bài hộ cá thể, HTX	22,000,000			22,000,000	22,000,000	0		
	-		Các khoản phí do xã trực tiếp thu	20,000,000			20,000,000	20,000,000	0		
	8		Thu khác Ngân sách	90,000,000			90,000,000	90,000,000	0		
	9		Thu tiền cho thuê mặt đất						0		
III			Thu bổ sung ngân sách từ cấp trên	3,907,000,000			3,907,000,000	3,907,000,000	0		
1			Bổ sung cân đối cân đối thường xuyên	3,183,000,000			3,183,000,000	3,183,000,000	0		
2			Bổ sung cơ mức tiền	724,000,000			724,000,000	724,000,000	0		
-			Bổ sung cơ mức tiền cho xã	634,000,000			634,000,000	634,000,000	0		
-			Tỷ lệ 10% tiết kiệm chi TX	90,000,000			90,000,000	90,000,000	0		
IV			Thu chuyển nguồn năm trước						0		
B			Các khoản thu để lại quản lý qua NS	40,000,000			40,000,000	40,000,000	0		
			- Thu quỹ đền ơn đáp nghĩa						0		
			- Thu huy động nhân dân đóng góp	40,000,000			40,000,000	40,000,000	0		



STT	DỰ TOÁN NĂM 2020	DỰ TOÁN TRƯỚC KHI ĐIỀU CHỈNH	DỰ TOÁN ĐƯỢC		DỰ TOÁN SAU KHI ĐIỀU CHỈNH	
			Ngân sách xã được	Tiết kiệm chi 10%	Dự toán	Tiết kiệm chi 10% còn lại sử dụng trong năm 2020
A	Tổng chi NSDP (A+B+C+D)	5.929,000,000	90,000,000	5.839,000,000	10,085,846,000	90,000,000
I	Chi cần đối NSDP (I+II+III)	5.889,000,000	90,000,000	5.799,000,000	10,045,846,000	90,000,000
	Chi đầu tư phát triển:	1.480,000,000	0	1.480,000,000	5,636,846,000	0
	- Chi từ nguồn dự toán huyện giao	1.480,000,000		1.480,000,000	1,480,000,000	
	- Chi từ nguồn đầu tư bổ sung của UBND xã				4,156,846,000	
II	Chi thường xuyên:	4.281,000,000	90,000,000	4.191,000,000	4,281,000,000	90,000,000
I	Chi quốc phòng, an ninh	55,000,000	55,000,000	49,500,000	55,000,000	55,000,000
I	Chi hoạt động thường xuyên của QPAN	55,000,000	55,000,000	49,500,000	55,000,000	55,000,000
	Hoạt động an ninh			38,700,000		
	Hoạt động an ninh			10,800,000		
2	Chi sự nghiệp văn hóa	176,000,000	14,300,000	161,700,000	176,000,000	14,300,000
	Chi sự nghiệp đào tạo	32,000,000	32,000,000	28,800,000	32,000,000	32,000,000
-	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	20,000,000	2,000,000	18,000,000	20,000,000	2,000,000
-	Chi sự nghiệp VH TT	30,000,000	3,000,000	27,000,000	30,000,000	3,000,000
-	Chi thực hiện toàn dân đoàn kết XĐ BSVH ở	33,000,000	33,000,000	33,000,000	33,000,000	33,000,000
-	Chi sự nghiệp phát triển - truyền hình	16,000,000	16,000,000	14,400,000	16,000,000	14,400,000
-	Chi sự nghiệp Thể dục - thể thao	15,000,000	1,500,000	13,500,000	15,000,000	1,500,000
-	Chi sự nghiệp đảm bảo XH	30,000,000	3,000,000	27,000,000	30,000,000	3,000,000
3	Chi sự nghiệp kinh tế	62,000,000	6,200,000	55,800,000	62,000,000	6,200,000
-	Chi sự nghiệp kinh tế thường xuyên	53,000,000	5,300,000	47,700,000	53,000,000	5,300,000
-	Chi hỗ trợ quản lý bảo vệ rừng	9,000,000	900,000	8,100,000	9,000,000	900,000
4	Chi quản lý hành chính	3.988,000,000	64,000,000	3.924,000,000	3.988,000,000	64,000,000
4.1	Hoạt động thường xuyên	445,000,000	44,250,000	400,750,000	445,000,000	44,250,000
a	Hoạt động thường xuyên của UBND xã			25,000,000		
b	Hoạt động thường xuyên của UBND xã	0	0	375,750,000	0	375,750,000
4.2	Hoạt động công vụ Đảng Đoàn thể	80,000,000	8,000,000	72,000,000	80,000,000	8,000,000
	Phục cho đại Biểu HĐND xã NK 2016-2021: 26.000.000đ					
4.3	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị thôn, xã	120,000,000	6,750,000	113,250,000	120,000,000	6,750,000
a	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã	67,500,000	6,750,000	60,750,000	67,500,000	6,750,000
-	Chi hoạt động của Mặt trận	13,500,000	1,350,000	12,150,000	13,500,000	1,350,000
-	Chi hoạt động của phụ nữ	13,500,000	1,350,000	12,150,000	13,500,000	1,350,000
-	Chi hoạt động của Hội ND	13,500,000	1,350,000	12,150,000	13,500,000	1,350,000
-	Chi hoạt động của Hội CCB	13,500,000	1,350,000	12,150,000	13,500,000	1,350,000
-	Chi hoạt động của Đoàn thanh niên	13,500,000	1,350,000	12,150,000	13,500,000	1,350,000
b	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị thôn	52,500,000		52,500,000		52,500,000
4.4	Chi công tác hòa giải cơ sở	18,000,000	1,800,000	16,200,000	18,000,000	1,800,000
4.5	Hoạt động của ban Thanh tra nhân dân	3,000,000	300,000	2,700,000	3,000,000	300,000
4.6	Công tác quản lý đô thị	5,000,000	500,000	4,500,000	5,000,000	500,000
4.7	Hoạt động của ban Giám sát công đồng	3,000,000	300,000	2,700,000	3,000,000	300,000
4.8	Kinh phí Đại hội Đảng	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000	60,000,000
4.8	Chi tiền lương và các khoản phụ cấp	3.233,000,000	0	3.233,000,000	3.233,000,000	0

PHỤ LỤC ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI TIẾT CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

DVT: Đồng

-	Quý lương và các phụ cấp theo lương	3,011,000,000		3,011,000,000	3,011,000,000	3,011,000,000	3,011,000,000	0
-	Quý lương và các phụ cấp theo lương CB DQT	222,000,000		222,000,000	222,000,000	222,000,000	222,000,000	0
-	PC 116							0
-	Chi từ nguồn BSCMT							0
4.9	Chi khác	21,000,000	2,100,000	18,900,000	21,000,000	18,900,000	18,900,000	0
III	Chi kinh phí chuyên nguồn từ năm 2019 sang							0
IV	Chi chuyển nguồn sang năm 2020							0
V	Dự phòng ngân sách	128,000,000		128,000,000	128,000,000	128,000,000	128,000,000	0
D	Các khoản chi được quản lý qua NSNN	40,000,000		40,000,000	40,000,000	40,000,000	40,000,000	0
	Quý dền on	40,000,000		40,000,000	40,000,000	40,000,000	40,000,000	0